TẬP ĐOÀN CN THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM

CÔNG TY THAN HẠ LONG - TKV

BẢNG TẠM TÍNH TỔNG THU NHẬP NĂM 2019

TT	MSLĐ	Họ và tên	Đơn vị	Lương+ thưởng AT 11 tháng	Ước lương thg 12/2019 (BQ 11 tháng)	Tiền lương 2019	Tiền lễ, Tết, khai xuân	Lương khác, thưởng, trực, du lịch…	Bình quân thu nhập 1 tháng
A	B	C	D	E	F=E/11	G=E+F	H	I	J=(G+H+I) /12
1	HL-01297	Trần Văn Thiện	KT5-KC	35.248.983	3.204.453	38.453.436	14.000.000	2.700.000	**4.596.120**
2	HL-01432	Nguyễn Mạnh Cường	KT5-KC	204.342.668	18.576.606	222.919.274	14.000.000	5.013.972	**20.161.104**
3	HL-01497	Nguyễn Hải Vịnh	KT5-KC	-	-	-	1.000.000	-	**83.333**
4	HL-02130	Nguyễn Văn Đạt	KT5-KC	223.502.963	20.318.451	243.821.414	14.000.000	4.500.000	**21.860.118**
5	HL-02368	Nguyễn Văn Khoái	KT5-KC	194.918.201	17.719.836	212.638.037	13.500.000	3.800.000	**19.161.503**
6	HL-02799	Ngô Văn Đăng	KT5-KC	269.314.746	24.483.159	293.797.905	14.000.000	11.627.210	**26.618.760**
7	HL-02878	Nguyễn Văn Toàn	KT5-KC	196.040.897	17.821.900	213.862.797	14.000.000	9.900.000	**19.813.566**
8	HL-02898	Vũ Văn Pha	KT5-KC	215.456.178	19.586.925	235.043.103	13.500.000	13.670.591	**21.851.141**
9	HL-02910	Vũ Văn Cấp	KT5-KC	238.685.841	21.698.713	260.384.554	14.000.000	4.771.324	**23.262.990**
10	HL-02928	Nguyễn Thị Kim Chung	KT5-KC	121.812.104	11.073.828	132.885.932	13.000.000	15.336.000	**13.435.161**
11	HL-02932	Phạm Thị Nhàn	KT5-KC	118.813.553	10.801.232	129.614.785	13.000.000	7.108.000	**12.476.899**
12	HL-02944	Nguyễn Chí Vinh	KT5-KC	204.080.298	18.552.754	222.633.052	14.000.000	5.553.825	**20.182.240**
13	HL-02959	Bùi Đình Đệ	KT5-KC	227.731.234	20.702.839	248.434.073	14.000.000	37.500.000	**24.994.506**
14	HL-02990	Bùi Thế Đông	KT5-KC	255.537.468	23.230.679	278.768.147	14.000.000	3.668.530	**24.703.056**
15	HL-03008	Sái Mạnh Hùng	KT5-KC	167.264.073	15.205.825	182.469.898	14.000.000	37.078.917	**19.462.401**
16	HL-03036	Nguyễn Văn Bộ	KT5-KC	268.540.641	24.412.786	292.953.427	14.000.000	15.433.829	**26.865.605**
17	HL-03037	Trần Đình Phú	KT5-KC	227.749.488	20.704.499	248.453.987	14.000.000	3.668.530	**22.176.876**
18	HL-03117	Nông Văn Toàn	KT5-KC	126.619.821	11.510.893	138.130.714	14.000.000	2.668.530	**12.899.937**
19	HL-03122	Hoàng Khánh Lưu	KT5-KC	163.312.788	14.846.617	178.159.405	13.500.000	4.100.000	**16.313.284**
20	HL-03137	Nguyễn Thị Loan	KT5-KC	127.615.546	11.601.413	139.216.959	13.000.000	11.935.000	**13.679.330**
21	HL-03150	Trương Văn Dũng	KT5-KC	164.640.998	14.967.363	179.608.361	13.500.000	2.700.000	**16.317.363**
22	HL-03151	Phạm Văn Quyết	KT5-KC	183.092.560	16.644.778	199.737.338	14.000.000	4.887.650	**18.218.749**
23	HL-03159	Hà Văn Huân	KT5-KC	238.257.830	21.659.803	259.917.633	14.000.000	12.527.775	**23.870.451**
24	HL-03170	Nguyễn Như Thích	KT5-KC	248.322.220	22.574.747	270.896.967	14.000.000	107.000.000	**32.658.081**
25	HL-03195	Ngô Văn Công	KT5-KC	268.181.192	24.380.108	292.561.300	14.000.000	16.712.208	**26.939.459**
26	HL-03196	Nguyễn Văn Thế	KT5-KC	270.986.889	24.635.172	295.622.061	14.000.000	5.067.797	**26.224.155**
27	HL-03198	Bùi Văn Hằng	KT5-KC	235.184.709	21.380.428	256.565.137	14.000.000	7.496.473	**23.171.801**
28	HL-03201	Phạm Văn Sơn	KT5-KC	187.916.365	17.083.306	204.999.671	13.500.000	4.403.700	**18.575.281**
29	HL-03219	Nguyễn Đức Thuận	KT5-KC	188.414.661	17.128.606	205.543.267	14.000.000	10.300.000	**19.153.606**
30	HL-03221	Phạm Phú Hoàng	KT5-KC	251.941.529	22.903.775	274.845.304	14.000.000	11.381.768	**25.018.923**
31	HL-03297	Phạm Xuân Quyết	KT5-KC	186.810.603	16.982.782	203.793.385	14.000.000	8.100.000	**18.824.449**
32	HL-03301	Nguyễn Văn Khỏe	KT5-KC	241.521.074	21.956.461	263.477.535	14.000.000	42.500.000	**26.664.795**
33	HL-03348	Nguyễn Văn Hội	KT5-KC	296.436.327	26.948.757	323.385.084	14.000.000	27.660.742	**30.420.485**
34	HL-03355	Nguyễn Thị Tươi	KT5-KC	89.186.003	8.107.818	97.293.821	13.000.000	10.515.000	**10.067.402**
35	HL-03393	Hoàng Minh Công	KT5-KC	182.946.165	16.631.470	199.577.635	13.500.000	4.002.794	**18.090.036**
36	HL-03462	Phan Thanh Thủy	KT5-KC	229.217.827	20.837.984	250.055.811	14.000.000	4.400.000	**22.371.318**

TT	MSLĐ	Họ và tên	Đơn vị	Lương+ thưởng AT 11 tháng	Ước lương thg 12/2019 (BQ 11 tháng)	Tiền lương 2019	Tiền lễ, Tết, khai xuân	Lương khác, thưởng, trực, du lịch…	Bình quân thu nhập 1 tháng
A	B	C	D	E	F=E/11	G=E+F	H	I	J=(G+H+I) /12
37	HL-03470	Nguyễn Văn Tuất	KT5-KC	239.970.629	21.815.512	261.786.141	14.000.000	4.533.532	**23.359.973**
38	HL-03473	Nguyễn Văn Hậu	KT5-KC	226.357.403	20.577.946	246.935.349	14.000.000	5.000.000	**22.161.279**
39	HL-03474	Nguyễn Thanh Tuấn	KT5-KC	238.205.918	21.655.083	259.861.001	14.000.000	6.150.000	**23.334.250**
40	HL-03492	Nguyễn Gia Phong	KT5-KC	218.559.780	19.869.071	238.428.851	14.000.000	35.800.000	**24.019.071**
41	HL-03506	Nguyễn Duy Lịch	KT5-KC	215.448.766	19.586.251	235.035.017	14.000.000	10.119.750	**21.596.231**
42	HL-03509	Bùi Duy Thắng	KT5-KC	207.217.640	18.837.967	226.055.607	14.000.000	7.135.800	**20.599.284**
43	HL-03510	Đoàn Văn Tùng	KT5-KC	239.867.690	21.806.154	261.673.844	14.000.000	4.850.000	**23.376.987**
44	HL-03521	Lương Văn Mạnh	KT5-KC	261.890.886	23.808.262	285.699.148	14.000.000	9.924.416	**25.801.964**
45	HL-03538	Phan Văn Cảnh	KT5-KC	270.169.351	24.560.850	294.730.201	14.000.000	11.415.003	**26.678.767**
46	HL-03546	Đỗ Văn Châu	KT5-KC	180.217.455	16.383.405	196.600.860	14.000.000	3.000.000	**17.800.072**
47	HL-03558	Lương Xuân Thành	KT5-KC	146.511.871	13.319.261	159.831.132	3.500.000	3.250.000	**13.881.761**
48	HL-03564	Trương Văn Chung	KT5-KC	132.489.556	12.044.505	144.534.061	13.500.000	3.100.000	**13.427.838**
49	HL-03569	Nguyễn Văn Cường	KT5-KC	230.249.078	20.931.734	251.180.812	14.000.000	5.000.000	**22.515.068**
50	HL-03594	Trần Thanh Tùng	KT5-KC	177.763.968	16.160.361	193.924.329	14.000.000	3.100.000	**17.585.361**
51	HL-03595	Nguyễn Văn Hữu	KT5-KC	229.074.002	20.824.909	249.898.911	14.000.000	7.781.768	**22.640.057**
52	HL-03637	Bùi Văn Đàn	KT5-KC	201.599.072	18.327.188	219.926.260	13.500.000	4.000.000	**19.785.522**
53	HL-04635	Bùi An Ngoan	KT5-KC	114.883.865	10.443.988	125.327.853	13.500.000	2.700.000	**11.793.988**
54	HL-04678	Đỗ Văn Điệp	KT5-KC	200.006.332	18.182.394	218.188.726	14.000.000	4.034.265	**19.685.249**
55	HL-05027	Kha Văn Dậu	KT5-KC	212.760.290	19.341.845	232.102.135	14.000.000	5.951.031	**21.004.430**
56	HL-05101	Hoàng Văn Ba	KT5-KC	216.447.549	19.677.050	236.124.599	14.000.000	32.400.000	**23.543.717**
57	HL-05246	Phạm Văn Chiều	KT5-KC	186.893.044	16.990.277	203.883.321	14.000.000	3.000.000	**18.406.943**
58	HL-05297	Đỗ Thế Trọng	KT5-KC	194.268.128	17.660.739	211.928.867	14.000.000	11.984.265	**19.826.094**
59	HL-05386	Trần Văn Dương	KT5-KC	181.028.066	16.457.097	197.485.163	14.000.000	3.500.000	**17.915.430**
60	HL-05403	Bùi Văn Tùng	KT5-KC	229.439.639	20.858.149	250.297.788	14.000.000	9.688.888	**22.832.223**
61	HL-05474	Nguyễn Văn Thắng	KT5-KC	110.484.886	10.044.081	120.528.967	13.500.000	2.500.000	**11.377.414**
62	HL-05623	Hoàng Văn Kim	KT5-KC	158.480.700	14.407.336	172.888.036	14.000.000	4.780.000	**15.972.336**
63	HL-05658	Tô Văn Mạ	KT5-KC	156.084.796	14.189.527	170.274.323	14.000.000	3.700.000	**15.664.527**
64	HL-05690	Nguyễn Văn Chúng	KT5-KC	106.671.192	9.697.381	116.368.573	14.000.000	2.700.000	**11.089.048**
65	HL-05700	Nguyễn Tuấn Anh	KT5-KC	184.417.725	16.765.248	201.182.973	14.000.000	12.340.449	**18.960.285**
66	HL-05709	Nguyễn Văn Anh	KT5-KC	226.644.698	20.604.063	247.248.761	13.500.000	4.500.000	**22.104.063**
67	HL-05800	Hà Văn Hanh	KT5-KC	206.627.196	18.784.291	225.411.487	14.000.000	4.500.000	**20.325.957**
68	HL-05856	Nguyễn Văn Việt	KT5-KC	132.835.665	12.075.970	144.911.635	13.500.000	3.100.000	**13.459.303**
69	HL-05866	Nguyễn Văn Lộc	KT5-KC	114.935.786	10.448.708	125.384.494	14.000.000	3.300.000	**11.890.374**
70	HL-05894	Chu Đức Cảnh	KT5-KC	233.371.914	21.215.629	254.587.543	14.000.000	6.500.000	**22.923.962**
71	HL-05939	Trần Văn Bảo	KT5-KC	153.583.993	13.962.181	167.546.174	13.500.000	2.900.000	**15.328.848**
72	HL-06039	Đào Xuân Hùng	KT5-KC	237.239.738	21.567.249	258.806.987	14.000.000	6.110.444	**23.243.119**
73	HL-06063	Vũ Xuân Trương	KT5-KC	209.995.261	19.090.478	229.085.739	14.000.000	4.000.000	**20.590.478**
74	HL-06064	Trần Văn Lương	KT5-KC	224.025.581	20.365.962	244.391.543	13.500.000	4.400.000	**21.857.629**
75	HL-06065	Vũ Văn Tuấn	KT5-KC	215.017.024	19.547.002	234.564.026	13.500.000	3.500.000	**20.963.669**

TT	MSLĐ	Họ và tên	Đơn vị	Lương+ thưởng AT 11 tháng	Ước lương thg 12/2019 (BQ 11 tháng)	Tiền lương 2019	Tiền lễ, Tết, khai xuân	Lương khác, thưởng, trực, du lịch…	Bình quân thu nhập 1 tháng
A	B	C	D	E	F=E/11	G=E+F	H	I	J=(G+H+I) /12
76	HL-06071	Nguyễn Công Tuấn	KT5-KC	207.181.842	18.834.713	226.016.555	14.000.000	4.800.000	**20.401.380**
77	HL-06083	Nguyễn Văn Thuận	KT5-KC	235.911.024	21.446.457	257.357.481	14.000.000	5.100.000	**23.038.123**
78	HL-06173	Nguyễn Đình Hải	KT5-KC	215.621.244	19.601.931	235.223.175	14.000.000	2.800.000	**21.001.931**
79	HL-06179	Nguyễn Quốc Phi	KT5-KC	189.730.845	17.248.259	206.979.104	14.000.000	3.900.000	**18.739.925**
80	HL-06195	Trần Văn Tuấn	KT5-KC	232.431.971	21.130.179	253.562.150	14.000.000	3.500.000	**22.588.513**
81	HL-06243	Nguyễn Văn Huy	KT5-KC	199.651.322	18.150.120	217.801.442	14.000.000	4.882.713	**19.723.680**
82	HL-06288	Tô Văn Lập	KT5-KC	114.733.321	10.430.302	125.163.623	12.500.000	2.000.000	**11.638.635**
83	HL-06307	Trần Quang Tịnh	KT5-KC	41.912.985	3.810.271	45.723.256	1.500.000	500.000	**3.976.938**
84	HL-06419	Nguyễn Văn Thành	KT5-KC	213.026.045	19.366.004	232.392.049	14.000.000	10.500.000	**21.407.671**
85	HL-06539	Trần Văn Vĩ	KT5-KC	111.372.554	10.124.778	121.497.332	13.000.000	200.000	**11.224.778**
86	HL-06573	Nguyễn Văn Bôn	KT5-KC	240.978.419	21.907.129	262.885.548	14.000.000	5.800.000	**23.557.129**
87	HL-06756	Hoàng Văn Tiềm	KT5-KC	129.854.195	11.804.927	141.659.122	6.500.000	100.000	**12.354.927**
88	HL-06838	Nguyễn Văn Khẩn	KT5-KC	107.500.601	9.772.782	117.273.383	2.500.000	300.000	**10.006.115**
89	HL-06844	Giàng A Nhè	KT5-KC	43.168.564	3.924.415	47.092.979	2.800.000	-	**4.157.748**
90	HL-06855	Nguyễn Tiến Mạnh	KT5-KC	113.854.234	10.350.385	124.204.619	2.500.000	500.000	**10.600.385**
91	HL-06925	Cút Văn Tiên	KT5-KC	89.200.444	8.109.131	97.309.575	1.800.000	800.000	**8.325.798**
92	HL-06926	Lường Văn Hương	KT5-KC	76.120.234	6.920.021	83.040.255	1.800.000	500.000	**7.111.688**
93	HL-06927	Nguyễn Văn Thương	KT5-KC	88.768.474	8.069.861	96.838.335	1.800.000	500.000	**8.261.528**
94	HL-06929	Tô Văn Tuấn	KT5-KC	67.461.910	6.132.901	73.594.811	1.800.000	-	**6.282.901**
95	HL-06932	Giàng A Trư	KT5-KC	51.307.272	4.664.297	55.971.569	1.300.000	-	**4.772.631**
96	HL-06946	Tô Văn Bình	KT5-KC	97.452.883	8.859.353	106.312.236	1.800.000	1.000.000	**9.092.686**
97	HL-06956	Lê Bá Mạnh	KT5-KC	82.078.809	7.461.710	89.540.519	1.800.000	1.500.000	**7.736.710**
98	HL-06963	Lại Văn Thái	KT5-KC	116.586.315	10.598.756	127.185.071	2.600.000	800.000	**10.882.089**
99	HL-06964	Vi Đức Sang	KT5-KC	69.759.273	6.341.752	76.101.025	2.600.000	500.000	**6.600.085**
100	HL-06972	Đào Văn Hóa	KT5-KC	55.246.463	5.022.406	60.268.869	1.800.000	1.000.000	**5.255.739**
101	HL-06981	Lê Văn Chín	KT5-KC	67.177.701	6.107.064	73.284.765	1.800.000	500.000	**6.298.730**
102	HL-06985	Lò Láo Lở	KT5-KC	72.863.583	6.623.962	79.487.545	2.000.000	-	**6.790.629**
103	HL-07047	Hoàng Đình Sơn	KT5-KC	69.125.610	6.284.146	75.409.756	3.300.000	500.000	**6.600.813**
104	HL-07060	Giàng A Linh	KT5-KC	73.799.132	6.709.012	80.508.144	1.300.000	200.000	**6.834.012**
105	HL-07062	Sồng A Thái	KT5-KC	81.071.389	7.370.126	88.441.515	1.300.000	200.000	**7.495.126**
106	HL-07063	Lô Văn Thủ	KT5-KC	60.232.365	5.475.670	65.708.035	1.300.000	200.000	**5.600.670**
107	HL-07064	Vi Văn Đại	KT5-KC	77.390.558	7.035.505	84.426.063	1.300.000	200.000	**7.160.505**
108	HL-07070	Vũ Văn Quảng	KT5-KC	49.785.095	4.525.918	54.311.013	1.300.000	200.000	**4.650.918**
109	HL-07076	Đỗ Đức Dũng	KT5-KC	24.707.629	2.246.148	26.953.777	800.000	200.000	**2.329.481**
110	HL-07077	Hoàng Kim Cương	KT5-KC	22.000.948	2.000.086	24.001.034	800.000	200.000	**2.083.420**
111	HS19-364	Hoàng Văn Dũng	KT5-KC	-	-	-	500.000	-	**41.667**
112	HS19-365	Phạm Ngọc Văn	KT5-KC	-	-	-	500.000	-	**41.667**
113	HS19-366	Nguyễn Văn Chiến	KT5-KC	-	-	-	500.000	-	**41.667**
114	HS19-367	Nguyễn Công Kiên	KT5-KC	-	-	-	500.000	-	**41.667**

TT	MSLĐ	Họ và tên	Đơn vị	Lương+ thưởng AT 11 tháng	Ước lương thg 12/2019 (BQ 11 tháng)	Tiền lương 2019	Tiền lễ, Tết, khai xuân	Lương khác, thưởng, trực, du lịch…	Bình quân thu nhập 1 tháng
A	B	C	D	E	F=E/11	G=E+F	H	I	J=(G+H+I) /12
115	HS19-388	Hồ Sỹ Thực	KT5-KC	-	-	-	500.000	-	**41.667**
116	HS19-389	Nguyễn Văn Đông	KT5-KC	-	-	-	500.000	-	**41.667**
117	HS19-390	Giàng A Lồng	KT5-KC	-	-	-	500.000	-	**41.667**
118	HS19-391	Bùi Đăng Cường	KT5-KC	-	-	-	500.000	-	**41.667**
119	HS19-392	Ngô Tuấn Anh	KT5-KC	-	-	-	500.000	-	**41.667**
120	HS19-396	Giàng A Ca	KT5-KC	-	-	-	500.000	-	**41.667**
121	TV19-362	Mùa A Lộng	KT5-KC	24.911.190	2.264.654	27.175.844	800.000	200.000	**2.347.987**
122	TV19-363	Đặng Văn Hoàng	KT5-KC	31.878.805	2.898.073	34.776.878	800.000	200.000	**2.981.407**
123	TV19-364	Hoàng Trọng Tấn	KT5-KC	21.936.931	1.994.266	23.931.197	800.000	200.000	**2.077.600**
124	TV19-366	Ngô Văn Quang	KT5-KC	33.453.588	3.041.235	36.494.823	800.000	200.000	**3.124.569**
		Cộng		**18.572.626.343**	**1.688.420.577**	**20.261.046.920**	**1.210.800.000**	**800.622.487**	**1.856.039.117**